

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST

Ngày: 15-02-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Lộc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Quang Lương

2. Ông Nguyễn Văn Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 35/2018/TLST-KDTM ngày 19 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2014/QĐST- KDTM ngày 15/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ: quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật ông P - CTHĐQT; người đại diện theo ủy quyền ông L – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A- Chi nhánh Quảng Bình, người được ủy quyền lại tham gia tố tụng ông N - Trưởng phòng, địa chỉ: đường H, phường N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Th; địa chỉ: phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: bà Ngô Thị Nh Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; báo theo địa chỉ: K12, đường số 8, khu phố 4, phường T, Quận , Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2018, bản tự khai ngày 19/9/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Quảng Bình và Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng tổng hợp Th đã ký các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể từ số 01-15/2013/HĐ để vay với tổng số tiền là 8.888.125.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty Th đã dùng một số tài sản của doanh nghiệp và bên thứ ba để thế chấp tại Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình vay Công ty Th không thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng và trả nợ theo thỏa thuận, do đó phía Công ty cùng Ngân hàng đã bán các tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng gồm: Xe ô tô tải Kia, BKS 73L, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2007 HĐ ngày 24/4/2007; Xe ô tô con Chevrolet, theo Hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay số: 01a/2007/HĐ ngày 13/11/2007; Máy đào bánh lốp Halla H50, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2010/HĐ ngày 27/5/2010; Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 17, tại phường Đ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2010/HĐ ngày 27/5/2010; Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 211, tại phường Bắc Nghĩa, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2007/HĐ ngày 24/4/2007, để trả nợ được 2.962.940.428 đồng. Số tiền này Ngân hàng ưu tiên trả vào nợ gốc.

Sau đó, phía Công ty Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Số dư nợ còn lại đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 02/12/2014. Vì vậy, để đảm bảo thu hồi nợ vay, Ngân hàng đề nghị Công ty Th phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 15/02/2019 với tổng số tiền 9.917.073.598 đồng, trong đó nợ gốc 5.925.184.572đ, nợ lãi trong hạn 3.056.079.691đ, nợ lãi quá hạn 935.809.335đ. Và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty Th thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ nêu trên, tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

* Tại bản tự khai ngày 16/11/2018, bà Ngô Thị Nh đại diện theo pháp luật của Công ty Th hoàn toàn thừa nhận các nội dung tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết năm 2013. Sau khi nhận tiền giải ngân từ Ngân hàng, phía công ty đã sử dụng đúng mục đích. Tuy nhiên, do bà bị tai nạn hai lần trong một năm nên Công ty ngừng hoạt động. Tất cả các tài sản đảm bảo cho khoản vay của công ty theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết đã giao cho Ngân hàng bán để trả một phần nợ, số nợ còn lại đề nghị xem xét cho gia hạn một thời gian. Hiện nay, sức khỏe của bà chưa bình phục nên không thể tham gia phiên tòa được nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Th, có trụ sở trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn đến Tòa án làm bản tự khai, còn bà Nh là người đại diện theo pháp luật của Công ty Th vắng mặt với lý do đang điều trị bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà Nh cũng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các nội dung tranh chấp, do đó, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018 để xét xử vào ngày 15/01/2019 và đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, bà Nh vắng mặt có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2014/QĐST-KDTM ngày 15/01/2019 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 15/02/2019 và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 15/02/2019, đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 30/07/2012, Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 03/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 04/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 05/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 06/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số

07/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 08/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 09/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 10/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 11/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2013/HĐ, đã ký kết giữa BIDV Quảng Bình và Công ty Thành Hưng, Hội đồng xét xử thấy: Toàn bộ hồ sơ vay vốn cũng như các hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do người có thẩm quyền của hai bên ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng 2010. Công ty Th có chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hợp pháp để vay vốn Ngân hàng. Ngân hàng đã thẩm định, xét duyệt phương án kinh doanh của công ty trước khi ký kết hợp đồng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thi hành.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty Th phải trả khoản tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng đã ký kết: Sau khi ký kết các Hợp đồng, các bên đã thực hiện đúng các nội dung đã ký kết. Cụ thể, phía Ngân Hàng đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty Th từng lần theo hạn mức tín dụng được cấp và Công ty Th đã ký giấy nhận nợ số nợ gốc 8.888.125.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Th trả được một phần gốc là 2.962.940.428 đồng (khoản tiền này do bán toàn bộ các tài sản Công ty đã thế chấp tại Ngân hàng), số dư nợ còn lại đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 02/12/2014. Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu Công ty Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho phía Công ty Th trả nợ. Tuy nhiên, do bà Nh đau ốm, Công ty Th không hoạt động dẫn đến nợ quá hạn kéo dài nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết tại các điều khoản của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, phía Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Th phải trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh là đúng quy định pháp luật và phù hợp với các điều khoản mà hai bên đã ký kết.

[2.3] Xét phương án trả nợ của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, phía Công ty Th xin Ngân hàng xem xét gia hạn nợ một thời gian sau đó tìm phương án trả nợ dần. Phương án trả nợ này không phù hợp với các thỏa thuận đã ký kết, ảnh hưởng đến tiến trình thu hồi vốn vay của Ngân hàng, thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nhưng Công ty không thực hiện việc trả nợ. Do đó, cần buộc Công ty Th có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 15/02/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 9.917.073.598 đồng, trong đó nợ gốc 5.925.184.572đ, nợ lãi trong hạn 3.056.079.691đ, nợ lãi quá hạn 935.809.335đ. Và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

[2.4] Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Th phía Ngân hàng và Công ty đã thỏa thuận đã bán để trả khấu trừ một phần nợ trước đây nên không xem xét.

[2.5] Về lãi suất: Công ty Th phải trả lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và lãi.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng tổng hợp Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.000.000đ cộng 01% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000đ là $9.917.073.598 - 4.000.000.000đ = 5.917.000.000đ \times 0,1\% = 5.917.000đ + 112.000.000đ = 117.917.000đ$ để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 58.595.707 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000500 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các Điều 281, 285, 286, 290, 302, 305 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng tổng hợp Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tính đến ngày 15/02/2019 với tổng số tiền 9.917.073.598 đồng (Chín tỷ, chín trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm chín mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 5.925.184.572đ, nợ lãi trong hạn 3.056.079.691đ, nợ lãi quá hạn 935.809.335đ.

Từ ngày 16/02/2019 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Th còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh từ số tiền gốc chưa trả (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 30/07/2012, Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ

thẻ số 02/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 03/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 04/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 05/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 06/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 07/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 08/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 09/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 10/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 11/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2013/HĐ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2013/HĐ, đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Th.

2. Án phí kinh doanh thương mại:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng tổng hợp Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại 117.917.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 58.595.707 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000500 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc